

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2025
V/v tranh chấp “hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1979; địa chỉ: số 294/1 ấp T, xã TP, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ: D2, cư xá P, phường X, quận Y, thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1968 và bà Phan Thị L, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: 308/1 ấp T, xã TP, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V – ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Ông Phạm Hoàng V có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông K, chị L, việc nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình. Từ năm 2016 đến ngày 18/02/2020 thì chót nợ ông K, bà L nợ số tiền tổng cộng là 75.487.000 đồng. Từ đó đến nay chưa thanh toán. Vì vậy nay ông V yêu cầu ông K và bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 75.487.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày thụ lý vụ án (ngày 27/3/2025) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày thụ lý vụ án (ngày 27/3/2025) đến ngày 27/5/2025, là 02 tháng, với mức lãi suất 0.83%/tháng, tiền lãi được tính như sau: 75.487.000 đồng x 0.83% x 02 tháng = 1.253.000 đồng; tổng số tiền ông V yêu cầu ông K và bà L có nghĩa vụ liên đới trả là 76.740.000 đồng. Ông không đồng ý yêu cầu xin trả dần của ông K, bà L. Đồng thời ông V xin rút yêu cầu buộc ông K, bà L trả số tiền lãi 15.633.000 đồng theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2025.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hoàng K và bà Phan Thị L trình bày:

Vợ chồng ông bà thừa nhận có nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Phạm Hoàng V với số tiền 75.487.000 đồng, ông K có ký tên xác nhận nợ ngày 18/02/2020. Chúng tôi mua thức ăn nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình của 02 vợ chồng. Nay vì đang gặp khó khăn về kinh tế nên chúng tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ và xin được miễn trả lãi.

Tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Hoàng K trình bày: Ông thừa nhận có ký tên xác nhận vào sổ thức ăn do ông V cung cấp cho tòa án, thừa nhận còn nợ số tiền gốc là 75.487.000 đồng. Ông và bà L vợ ông vẫn giữ yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ và xin được miễn trả tiền lãi. Vì hiện nay bà L bị bệnh không lao động nặng được, còn ông thì đi làm thuê, kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị L trình bày: bà hoàn toàn thống nhất ý kiến của ông K chồng bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng K và bà Phan Thị L có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua thuốc, thức ăn để nuôi tôm nên xác định đây là tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông K, bà L có nơi cư trú tại xã TP, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về nội dung tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V – ông Nguyễn Dương Kim H và bị đơn ông Nguyễn Hoàng K, bà Phan Thị L cùng thống nhất trình bày: thừa nhận hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thuốc thủy sản, thức ăn để nuôi tôm trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến ngày 18/02/2020; ông K và bà L cùng thừa nhận số tiền nợ gốc còn nợ ông V là 75.487.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và

xin miễn trả tiền lãi.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Xét hợp đồng mua bán tài sản được ông V, ông K giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ Luật Dân sự. Đối với việc ông K, bà L cùng thừa nhận còn nợ ông V số tiền 75.487.000 đồng đến nay chưa thanh toán trong khi việc mua bán kết thúc từ tháng ngày 18/02/2020, là đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền. Và việc ông V yêu cầu ông K, bà L phải trả 1.253.000 đồng tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 440, Điều 357 Bộ luật Dân sự, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét việc ông K, bà L yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và miễn tiền lãi chậm thanh toán là 1.253.000 đồng do đang gặp khó khăn về kinh tế. Hội đồng xét xử thấy rằng ông K, bà L vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông V và yêu cầu này của ông K, bà L không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần và miễn trả tiền lãi như trình bày của ông K, bà L.

[6] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền lãi 15.633.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà L, ông K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do bà L thuộc trường hợp con liệt sĩ nên được miễn nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng K và bà Phan Thị L về số tiền lãi 15.633.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng K và bà Phan Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng V số tiền 76.740.000 đồng gồm: nợ gốc 75.487.000 đồng và 1.253.000 đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phan Thị L được miễn nộp toàn bộ. Ông Nguyễn Hoàng K có nghĩa vụ chịu 1.918.500 đồng.

Ông Phạm Hoàng V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.275.000 đồng theo biên lai thu số 0010928 ngày 26/3/2025.

4. Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

DƯƠNG VĂN HAI – TRỊNH XUÂN TÙNG

PHAN CẨM NHUNG

